

Số: 439/KH-UBND

An Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2024

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”; Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới” (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) trên địa bàn tỉnh An Giang với nội dung như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI CỦA TỈNH AN GIANG

Năm 2014, tỉnh An Giang đã đạt được bước tiến quan trọng khi xây dựng thành công Cơ sở dữ liệu Việt kiều, công dân An Giang sinh sống, lao động và học tập ở nước ngoài (gọi tắt Cơ sở dữ liệu Việt kiều An Giang), và cũng là địa phương đầu tiên trong cả nước xây dựng cơ bản hoàn thiện cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài (gọi tắt là NVNONN).

Theo thống kê từ kết quả điều tra, toàn tỉnh có 8.364 Việt kiều (không còn quốc tịch Việt Nam), 10.418 người thuộc diện di cư, 5.948 người kết hôn có yếu tố nước ngoài, 4.317 người đã và đang lao động ở nước ngoài và 496 người đã và đang học tập ở nước ngoài. Cũng theo số liệu thống kê cho thấy: Việt kiều, công dân của tỉnh An Giang đã di cư đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó 10 quốc gia có lượng Việt kiều An Giang di cư đông nhất là Hoa Kỳ, Đài Loan, Campuchia, Úc, Canada, Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, Singapore, Pháp. Riêng đối với kiều bào tỉnh An Giang sinh sống tại 02 tỉnh Takeo và Kandal, Campuchia tính đến năm 2014 có khoảng 28.600 người. Theo đó; thống kê tại 09 huyện của tỉnh Takeo có khoảng 1.600 hộ tương đương 6.200 người, còn tại tỉnh Kandal có khoảng 22.000 người.

Năm 2017, số lượng công dân An Giang ở nước ngoài tăng lên 26.362 người¹, trong đó nhóm di cư và kết hôn có yếu tố nước ngoài có tỷ lệ gia tăng cao nhất, lần lượt là 12.351 người và 8.863 người, tỷ lệ tăng của nhóm học tập ở nước ngoài vẫn ở mức thấp nhất là 615 người. Xét tổng thể, huyện Chợ Mới, huyện Thoại Sơn, thành phố Long Xuyên và thị xã Tân Châu là các địa phương có

¹ Số liệu rà soát, cập nhật CSDL giai đoạn 2016-2017.

lượng công dân ở nước ngoài nhiều nhất; trong đó, huyện Chợ Mới có tỷ lệ tăng cao nhất ở cả 4 nhóm học tập, lao động, kết hôn và di cư.

Về sự đóng góp của các chuyên gia và trí thức kiều bào: bình quân hàng năm Tỉnh tiếp nhận khoảng 10 chuyên gia, trí thức kiều bào đến An Giang để hỗ trợ trên nhiều lĩnh vực cho Tỉnh. Một số cá nhân kiều bào có địa vị tại các nước sở tại đã làm tốt vai trò cầu nối trong việc mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế của Tỉnh với chính quyền và các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp ở nước sở tại.

Hầu hết Việt kiều An Giang sinh sống ở các nước nói trên đều có đời sống vật chất tinh thần tốt, có đủ điều kiện đóng góp cho gia đình và quê hương. Riêng cộng đồng Việt kiều An Giang sinh sống ở Campuchia nhìn chung có cuộc sống tương đối ổn định, được chính quyền sở tại đối xử như người bản địa, đã hòa nhập vào xã hội nơi cư trú, có tiềm lực nhất định về kinh tế. Mặc dù vậy, vẫn còn một số lượng không nhỏ người Việt kiều tại Campuchia gặp nhiều khó khăn như: mức sống dưới mức trung bình của dân bản xứ, chưa đủ điều kiện nhập tịch, trình độ dân trí thấp, đời sống kinh tế bấp bênh. Do đó họ coi cuộc sống tại nước sở tại là nơi tạm cư với mục đích kinh tế là chính, luôn có mong muốn quay về nước sinh sống khi có điều kiện thuận lợi.

Về nhận thức và thái độ chính trị của cộng đồng kiều bào nói trên, đa số bà con kiều bào đều có lòng yêu nước, tự tôn dân tộc, hướng về cội nguồn, gắn bó với gia đình và người thân; đồng tình với các chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, hòa hợp dân tộc của Đảng và Nhà nước, ủng hộ công cuộc đổi mới và phát triển đất nước.

Tuy nhiên, vẫn còn một thiểu số người trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có thái độ và hoạt động chống phá đất nước, lôi kéo những Việt kiều khác tham gia vào các tổ chức phản động lưu vong, đi ngược lại lợi ích chung của dân tộc.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của cộng đồng NVNONN

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, trong đó công tác vận động NVNONN là một bộ phận có tính chiến lược trong công tác đại đoàn kết dân tộc và đóng góp trực tiếp vào mục tiêu đại đoàn kết dân tộc.

Quán triệt sâu sắc quan điểm xuyên suốt của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đề phục vụ các mục tiêu chiến lược phát triển đất nước từ nay đến 2030, tầm nhìn 2045, cần phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực, mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; lấy mục tiêu xây dựng một đất nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” làm điểm tương đồng, lấy lòng yêu nước là mẫu số chung.

Xác định nguồn lực kiều bào là một nguồn lực có ý nghĩa quan trọng trong tổng thể các nguồn lực từ bên ngoài, cần được tranh thủ để phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

2. Thống nhất về nhận thức và hành động trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đối với công tác NVNONN trong tình hình mới

Tăng cường thống nhất nhận thức NVNONN là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc, từ đó xây dựng các định hướng, chủ trương, chính sách, biện pháp về tranh thủ nguồn lực của NVNONN được triển khai nhất quán, thông suốt, toàn diện.

Bám sát chủ trương tranh thủ tối đa nguồn lực NVNONN tham gia đóng góp phục vụ phát triển đất nước, phù hợp với ưu tiên, định hướng phát triển đất nước nêu tại văn kiện Đại hội Đảng XIII, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) “Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài”, Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Kết luận số 12-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị (khóa XIII) “Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới” và Nghị quyết số 169/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ ban hành “Chương trình hành động của Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2021 - 2026”.

Kế thừa các chủ trương, chính sách do Chính phủ, bộ, ngành, địa phương đã ban hành hoặc đang triển khai có yếu tố về người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xác định vấn đề cần sửa đổi (nếu có) hoặc ban hành mới chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho kiều bào về thăm quê hương, thân nhân, đầu tư, kinh doanh, hợp tác khoa học – công nghệ, hoạt động văn hóa – nghệ thuật, từ thiện, xã hội, du học sinh, lao động trở về lập nghiệp....

Các chính sách, quy định, biện pháp nhằm phát huy nguồn lực của NVNONN cần mạnh dạn, có đột phá, phù hợp với nguyện vọng và lợi ích chính đáng của đông đảo NVNONN.

Trong khi tranh thủ nguồn lực kiều bào, tiếp tục tăng cường cảnh giác, kiên quyết đấu tranh đối với các âm mưu và hành động không chế cộng đồng, lợi dụng cộng đồng để chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thu hút và phát huy nguồn lực NVNONN phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như của tỉnh An Giang

Việc thu hút nguồn lực NVNONN dựa trên tiềm năng, năng lực, tính khả thi của nguồn lực, đồng thời đặt trong tổng thể chính sách Đại đoàn kết dân tộc, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, đóng góp vào việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam và các nước, góp phần hỗ trợ kiều bào sinh sống ổn định, tiếp tục đóng góp có hiệu quả cho sự phát triển của đất nước.

Phát huy nguồn lực của NVNONN phải gắn liền với quan điểm của Đảng, Nhà nước về tạo điều kiện thuận lợi, quan tâm, chăm lo và bảo vệ quyền lợi chính đáng của NVNONN. Các chính sách, biện pháp thu hút nguồn lực chủ yếu dựa trên yếu tố gắn kết lợi ích, ý thức hướng về cội nguồn, lòng yêu nước, khuyến khích đóng góp mang tính tự nguyện của cộng đồng.

Kết hợp hài hòa giữa công tác thu hút với công tác bồi dưỡng, hỗ trợ, phát triển nguồn lực NVNONN vì các mục tiêu lâu dài của Tỉnh.

III. GIẢI PHÁP

Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết 36-NQ/TW, Chỉ thị 45-CT/TW, Kết luận 12-KL/TW và Nghị quyết 169/NQ-CP đến các cấp, các ngành địa phương, đơn vị, tổ chức đoàn thể và nhân dân; thường xuyên theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác về NVNONN.

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các chính sách, biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho NVNONN yên tâm tiến hành các hoạt động đầu tư, kinh doanh, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao, nhân đạo,... trên địa bàn tỉnh.

Cải thiện môi trường đầu tư, thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư FDI của NVNONN; đẩy mạnh phát huy hiệu quả nguồn lực của trí thức NVNONN thúc đẩy chuyển giao tri thức và kỹ năng; hỗ trợ doanh nghiệp NVNONN quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, hàng hóa của Tỉnh tại các thị trường ngoài nước.

Các sở, ban, ngành, địa phương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể và tổ chức kinh tế-xã hội xây dựng đề án, kế hoạch, chương trình cụ thể, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm cho từng giai đoạn, từ đó triển khai thu hút, phát huy nguồn lực NVNONN, trong đó ưu tiên thu hút chuyên gia, trí thức, nhân tài NVNONN và lao động Việt trở về đóng góp, xây dựng Tỉnh nhà.

Hỗ trợ, triển khai hiệu quả các sáng kiến, đóng góp từ thiện nhân đạo, xã hội của các cá nhân, tổ chức NVNONN tại địa phương, phát huy vai trò cầu nối của NVNONN trên các lĩnh vực khoa học - công nghệ kinh tế - thương mại, văn hóa, xã hội....

Định kỳ rà soát, tiếp tục cập nhật, hoàn thiện Cơ sở dữ liệu Việt kiều An Giang.

Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, thông tin, trao đổi với NVNONN, quản lý lao động, du học sinh của Tỉnh ở nước ngoài.

Phát huy nguồn lực của khu vực tư nhân trong việc hỗ trợ và phát triển cộng đồng, thu hút nguồn lực NVNONN tại địa phương.

Đẩy mạnh triển khai biện pháp củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới; thu hút nguồn lực NVNONN góp phần phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng sâu, vùng xa.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Ngoại vụ

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; là đầu mối hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình và kết quả việc thực hiện Kế hoạch.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Nghị quyết số 36-NQ/TW, Chỉ thị số 45-CT/TW, đặc biệt là Kết luận số 12-KL/TW về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện các nhiệm vụ cụ thể:

- Nghiên cứu, tổng hợp thông tin về tình hình các nguồn lực NVNONN; hỗ trợ các sở, ngành, địa phương, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân trong việc kết nối, triển khai các hoạt động thu hút nguồn lực của NVNONN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh trong tình hình mới.

- Xây dựng kế hoạch, định kỳ triển khai rà soát, cập nhật Cơ sở dữ liệu Việt kiều An Giang, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân kiều bào gốc An Giang; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công bố số liệu cập nhật của Cơ sở dữ liệu Việt kiều An Giang.

- Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công tác NVNONN, tập trung vào công tác vận động và thu hút nguồn lực NVNONN.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị hữu quan góp ý xây dựng hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến NVNONN; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách để hỗ trợ hội đoàn người Việt Nam ở nước ngoài.

2. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ:

a) Rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến NVNONN để kiến nghị Trung ương sửa đổi, bổ sung phù hợp, trong đó tập trung đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú, thường trú,...

b) Xác minh thông tin nhân thân của NVNONN để thực hiện công tác bảo hộ công dân; giải quyết những vấn đề phức tạp, vướng mắc liên quan đến vấn đề pháp lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến NVNONN, hỗ trợ đảm bảo an ninh cộng đồng.

c) Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn các hoạt động, âm mưu của thế lực thù địch, phản động tuyên truyền, móc nối, lôi kéo NVNONN tham gia các hoạt động chống phá Việt Nam.

3. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Ngoại vụ và các đơn vị liên quan tiếp tục thực hiện Đề án “Huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài, giai đoạn 2020 - 2024”.

b) Phối hợp Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư xây dựng, triển khai hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại; thúc đẩy đưa hàng Việt Nam nói chung và tỉnh An Giang nói riêng vào các hệ thống phân phối ở nước ngoài; tăng cường kết nối các doanh nghiệp của Tỉnh và doanh nghiệp NVNONN để chia sẻ thông tin, tìm hiểu về thị trường, thị hiếu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm của người tiêu dùng ở nước sở tại để mở rộng hệ thống phân phối hàng hóa của Tỉnh sang thị trường nước ngoài, tập trung vào những nơi có đông người Việt sinh sống.

4. Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, mời gọi các nhà đầu tư là NVNONN về đầu tư tại Tỉnh, góp phần phát triển tỉnh An Giang, qua đó thắt chặt mối quan hệ gắn bó với quê hương, đất nước.

b) Phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan xây dựng, đề xuất, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm huy động NVNONN tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo Chương trình Xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch hàng năm.

c) Nghiên cứu, đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch nhằm nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, hợp tác thương mại, thu hút du lịch; tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp NVNONN thuận lợi đầu tư, giao thương tại Tỉnh.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Quản lý, theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, dự án do NVNONN đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Phối hợp các Sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư là NVNONN đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án.

c) Tiếp tục cập nhật, cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về các chương trình, chính sách ưu đãi, tiềm năng, lợi thế đầu tư của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Sở và Trang thông tin Hỗ trợ doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư.

6. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan rà soát, đánh giá tình hình lao động tỉnh An Giang đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, tăng cường các biện pháp hỗ trợ người lao động của Tỉnh đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, quan tâm và ưu tiên đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại các nước phát triển; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho người lao động tại địa phương trước khi ra nước ngoài làm việc

b) Nghiên cứu đơn giản hóa thủ tục hành chính, hỗ trợ trong việc cấp phép lao động cho NVNONN, xem xét miễn giấy phép lao động đối với NVNONN có trình độ chuyên môn cao khi về nước để nghiên cứu, giảng dạy, hợp tác khoa học công nghệ, đảm bảo đúng quy định.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Nghiên cứu, phối hợp với các cơ quan liên quan phát triển các sản phẩm du lịch về nguồn nhằm đẩy mạnh thu hút kiều bào về An Giang thăm thân, du lịch, đầu tư; đa dạng hóa các hoạt động hỗ trợ NVNONN giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

b) Phát hiện, thu hút các vận động viên, chuyên gia, huấn luyện viên NVNONN xuất sắc về An Giang tham gia giao lưu, thi đấu, huấn luyện.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các biện pháp thu hút trí tuệ, tận dụng, phát huy có hiệu quả năng lực làm việc, nguồn tri thức của đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia là NVNONN trên địa bàn tỉnh An Giang theo các qui định hiện hành.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Nghiên cứu, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chế độ đãi ngộ đặc biệt phù hợp và các biện pháp vận động, thu hút các nhà khoa học, chuyên gia, giáo sư giỏi ở nước ngoài hợp tác giảng dạy và nghiên cứu với các trường đại học, cao đẳng, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát, đánh giá tình hình du học sinh tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền quản lý đi học ở các nước trên thế giới. Quản lý và định kỳ cập nhật số liệu du học sinh tỉnh An Giang, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

10. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông bằng nhiều hình thức, đa dạng, phong phú, kịp thời, chính xác cho NVNONN về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tình hình kinh tế-xã hội của đất nước và của Tỉnh; vận động NVNONN hướng về tổ quốc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Tăng cường tin bài trên trang tiếng Anh về các nội dung liên quan đến công tác về NVNONN trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.

b) Nghiên cứu, thiết lập các kênh thông tin hiệu quả để tiếp nhận những ý kiến đóng góp của NVNONN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh. Nghiên cứu xây dựng banner, chuyên mục trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để tiếp nhận những ý kiến đóng góp của NVNONN đối với sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, quy định pháp luật và các thủ tục hành chính liên quan,...

c) Phối hợp với các bộ ngành, địa phương và các đơn vị liên quan giải thích, làm rõ các thông tin sai lệch liên quan đến công tác đối với NVNONN.

d) Nghiên cứu xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, tập trung, có trọng tâm, trọng điểm phối hợp các đơn vị liên quan triển khai thu hút, phát huy nguồn lực NVNONN, trong đó ưu tiên thu hút chuyên gia, trí thức, nhân tài lĩnh vực công nghệ thông tin (CNTT) NVNONN và lao động Việt trở về đóng góp, đầu tư Khu Công nghệ thông tin tập trung.

đ) Phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp CNTT của Tỉnh với doanh nghiệp của NVNONN để chia sẻ thông tin, tìm hiểu về thị trường ở sở tại.

11. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng các nội dung, tiêu chí khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các ngành, lĩnh vực, đóng góp cho sự phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của Tỉnh; tổng hợp kết quả trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

12. Sở Tài chính

Căn cứ Kế hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp thẩm quyền nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định về phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức phổ biến, thông tin, tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, các văn bản chỉ đạo thực hiện Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới”.

b) Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của địa phương, cụ thể hóa và chủ động tổ chức thực hiện Kế hoạch theo thẩm quyền, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; thường xuyên kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nội dung liên quan đến công tác về NVNONN.

14. Các sở, ban, ngành, đoàn thể hữu quan khác

Đề nghị Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam tỉnh, các cơ quan và tổ chức liên quan phối hợp, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch; nghiên cứu lồng ghép các

mục tiêu, giải pháp của Kế hoạch vào nội dung, chương trình làm việc của các cơ quan hàng năm.

V. KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch gồm:

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được sử dụng lồng ghép trong dự toán thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên, kinh phí thực hiện các chương trình, dự án được giao của các sở, ngành, địa phương có liên quan và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ được giao của Kế hoạch này, hàng năm các cơ quan có liên quan xây dựng Kế hoạch, Chương trình và lập dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương làm cơ sở bố trí dự toán theo quy định về phân cấp của Luật ngân sách nhà nước

2. Chế độ báo cáo: Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch kết hợp trong báo cáo công tác đối ngoại hàng năm, gửi về Sở Ngoại vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 1334/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Phát huy nguồn lực của người Việt Nam ở nước ngoài phục vụ phát triển đất nước trong tình hình mới” trên địa bàn tỉnh An Giang. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm theo quy định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Ngoại giao (để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể liên quan;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Phòng KGVX, TH, KTTH;
- Lưu: HCTC, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước